

Phụ lục III
KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK
 (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Krông Na	Xã Cuôr Knia	Xã Ea Huar	Xã Ea Wer	Xã Tân Hòa	Xã Ea Nuôl	Xã Ea Bar
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+..+(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	137.78	6.84	0.32	4.34	8.93	16.14	100.29	0.91
	Trong đó:									
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0.37	-	-	-	0.18	0.02	0.18	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	11.71	0.56	0.15	0.86	4.43	1.24	4.12	0.35
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	115.80	1.33	0.17	3.48	4.50	14.90	90.85	0.56
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10.17	4.95	-	-	-	-	5.22	-
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN/PNN	0.10	-	-	-	-	-	0.10	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0.03	-	-	-	-	-	-	0.03